

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

## **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Trình độ đào tạo:	<b>Đại học</b>
Ngành đào tạo:	<b>Quản trị kinh doanh</b>
Tên tiếng Anh:	<b>Business Administration</b>
Tên chuyên ngành:	<b>Thương mại quốc tế</b>
Mã ngành:	<b>7340101</b>
Loại hình đào tạo:	<b>Chính quy</b>
Hình thức đào tạo:	<b>Tập trung</b>

## BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1783/QĐ-ĐHQN ngày 21 tháng 08 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh Mã ngành: 7340101

Tên tiếng Anh: Business Administration

Tên các chuyên ngành: Thương mại quốc tế

Loại hình đào tạo: Chính quy

Hình thức đào tạo: Tập trung

### 1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh chuyên ngành thương mại quốc tế với trình độ Đại học có khối lượng kiến thức toàn khóa là 135 tín chỉ (chưa kể các môn điều kiện GDTC, GD QP-AN), thời gian đào tạo là 4 năm. Chương trình được xây dựng với các học phần của Khối kiến thức giáo dục đại cương và Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp nhằm giúp cho người học có năng lực nghiên cứu, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế và thương mại quốc tế. Chương trình đào tạo còn được trang bị các kiến thức chuyên sâu về thương mại hàng hoá, thương mại dịch vụ, thương mại liên quan đến đầu tư, thương mại liên quan đến sở hữu trí tuệ đồng thời am hiểu luật pháp thương mại quốc tế, các vấn đề liên quan đến Tổ chức thương mại thế giới và hội nhập kinh tế quốc tế.

#### 1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình (Tiếng Việt)	<b>Quản trị kinh doanh</b>
2. Mã ngành đào tạo	7340101
3. Trường cấp bằng	Trường Đại học Quy Nhơn
4. Tên gọi văn bằng	Cử nhân
5. Trình độ đào tạo	Đại học
6. Số tín chỉ yêu cầu	147
7. Khoa quản lý	Tài chính-Ngân hàng và Quản trị kinh doanh, Trường

	ĐH Quy Nhơn
8. Hình thức đào tạo	Chính quy
9. Thời gian đào tạo	4 năm
10. Đối tượng tuyển sinh	Tốt nghiệp phổ thông trung học hoặc tương đương
11. Thang điểm đánh giá	Đánh giá theo thang điểm đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 43/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
12. Điều kiện tốt nghiệp	Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn.
13. Vị trí việc làm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ phận quản trị chiến lược, chính sách và kế hoạch kinh doanh thương mại quốc tế.</li> <li>- Bộ phận phát triển thị trường, đối tác và khách hàng xuất, nhập khẩu.</li> <li>- Bộ phận quản trị chất lượng, phát triển sản phẩm, dịch vụ xuất nhập khẩu.</li> <li>- Bộ phận quản trị kênh và mạng lưới phân phối xuất, nhập khẩu.</li> <li>- Bộ phận xúc tiến thương mại, đầu tư xuất nhập khẩu.</li> <li>- Bộ phận quản trị tác nghiệp xuất, nhập khẩu (Lập phương án kinh doanh, giao dịch, đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện hợp đồng xuất, nhập khẩu).</li> <li>- Bộ phận quản trị logistic quốc tế.</li> <li>- Bộ phận quản trị tài chính quốc tế.</li> <li>- Bộ phận xây dựng và phát triển thương hiệu của doanh nghiệp.</li> <li>- Các công việc nghiên cứu và phát triển xuất, nhập khẩu khác.</li> <li>- Bộ phận đào tạo và nghiên cứu về kinh doanh quốc tế.</li> <li>- Có khả năng tự nghiên cứu chuyển đổi nhanh để làm việc được ở các bộ phận thuộc chức năng, quá trình quản trị kinh doanh khác (quản trị nhân lực, quản trị tác nghiệp, quản trị tài chính kinh doanh...) ở các doanh nghiệp.</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các loại hình tổ chức và doanh nghiệp có khả năng và cơ hội làm việc phù hợp.</li> <li>- Các loại hình doanh nghiệp thương mại, đầu tư và sở hữu trí tuệ có hoạt động thương mại quốc tế.</li> <li>- Các loại hình doanh nghiệp sản xuất- kinh doanh có hoạt động thương mại quốc tế.</li> <li>- Các bộ phận có liên quan đến quản lý thị trường và thương mại quốc tế ở các cơ quan quản lý nhà nước các cấp.</li> <li>- Các bộ phận nghiên cứu, giảng dạy kinh doanh quốc tế ở các tổ chức kinh tế, tổ chức phi lợi nhuận, các viện nghiên cứu, các trường trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học.</li> </ul>
14. Học tập nâng cao trình độ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia các khóa học, bồi dưỡng ngắn hạn liên quan đến quản trị kinh doanh quốc tế trong và ngoài nước.</li> <li>- Học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan.</li> <li>- Đăng ký học sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) của các chuyên ngành quản trị kinh doanh hoặc các chuyên ngành khác thuộc lĩnh vực kinh tế tại các trường đại học trong và ngoài nước.</li> </ul>
15. Chương trình tham khảo khi xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội</li> <li>- Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh</li> <li>- Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng</li> <li>- The University of Queensland (Australia)</li> <li>- University of Hull (United Kingdom)</li> <li>- Nanyang Business School (Singapore)</li> </ul>
16. Thời điểm cập nhật bản mô tả	30/05/2020

### 1.3. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

Trường Đại học Quy Nhơn đã cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, theo Quyết định số 120/QĐCEA.UD ngày 12/7/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD – Đại học Đà Nẵng

#### 1.3.1. Sứ mệnh - Tầm nhìn – Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

##### **Sứ mệnh:**

Trường Đại học Quy Nhơn là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học,

truyền bá tri thức và chuyên giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ – Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ XH.

**Tầm nhìn:**

Đến năm 2030, Trường Đại học Quy Nhơn sẽ là Trường Đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.

**Giá trị cốt lõi:**

Trách nhiệm – Chuyên nghiệp – Chất lượng – Sáng tạo – Nhân văn

**Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn**

Toàn diện – Khai phóng – Thực nghiệp

**Toàn diện:** Đào tạo người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực.

**Khai phóng:** Phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; giúp người học chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời.

**Thực nghiệp:** Đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; giúp người học thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

Triết lý giáo dục của trường Đại học Quy Nhơn được chuyển tải vào chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh chuyên ngành Thương mại quốc tế như sau:

Chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh			Triết lý giáo dục của DQN		
			Toàn diện	Khai phóng	Thực nghiệp
Kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức đại cương	Các học phần khoa học chính trị, pháp luật	x		
		Các học phần Ngoại ngữ, Tin học		x	
	Khối kiến thức cơ sở ngành	Các học phần lý thuyết (kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, nguyên lý kế toán,...)	x	x	
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	Các học phần lý thuyết	x	x
	Các học phần thực tập, thực tế		x	x	x
	Khóa luận tốt nghiệp		x	x	x
Hoạt động	Nghiên cứu khoa học sinh viên		x	x	x
	Thi hùng biện, thiết kế mô hình, ý tưởng, ....			x	x

ngoại khóa	Sinh viên tình nguyện (mùa hè xanh		x		x
	Hiến máu nhân đạo			x	
	Hoạt động vì người nghèo			x	
	.....				
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	PLO1	PLO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội, pháp luật, tự nhiên – môi trường để diễn giải các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh và quản trị.	x	x	
	PLO2	PLO2: Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất	x	x	
	PLO3	PLO3: Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành, khối ngành để tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kinh doanh và quản trị	x	x	x
	PLO4	PLO4: Vận dụng được kiến thức ngành, chuyên ngành và bổ trợ để đánh giá, giải quyết các vấn đề cơ bản trong các hoạt động quản trị tài chính, sản xuất, tiếp thị, nguồn nhân lực, thương mại, chuỗi cung ứng và kinh doanh quốc tế.	x	x	x
	PLO5	PLO5: Vận dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết trình trước đám đông; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng làm việc nhóm; và kỹ năng lập kế hoạch mục tiêu vào quản trị kinh doanh.	x	x	x
	PLO6	PLO6: Kỹ năng ngoại ngữ: đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương	x	x	x

		trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu – CEFR) theo quy định của Trường đối với khối ngành kinh tế.			
	PLO7	PLO7: Kỹ năng tin học: đạt trình độ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo thông tư Số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.	x	x	x
	PLO8	PLO8: Có kỹ năng hoàn thành các nghiệp vụ trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn của ngành trong những bối cảnh khác nhau ở lĩnh vực quản trị kinh doanh thương mại quốc tế.	x	x	x
	PLO9	PLO9: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề trong các hoạt động xây dựng chiến lược, quản trị tài chính, sản xuất, tiếp thị, nguồn nhân lực, chuỗi cung ứng, kinh doanh thương mại quốc tế.	x	x	x
	PLO10	PLO10: Có phẩm chất chính trị đúng đắn, đạo đức tốt; yêu ngành nghề, nghiêm túc trong công việc, có ý thức trách nhiệm cao.	x	x	
	PLO11	PLO11: Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân và khả năng học tập suốt đời góp phần vào sự phát triển bền vững của xã	x	x	x

		hội.			
--	--	------	--	--	--

### ***1.3.2. Sứ mệnh - Tầm nhìn - Triết lý giáo dục của Khoa TC – NH và QTKD***

#### ***Sứ mệnh***

Đào tạo người học toàn diện về năng lực và phẩm chất, có trách nhiệm xã hội trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Quản trị du lịch và khách sạn. Sứ mạng này đạt được thông qua cam kết của chúng tôi trong việc không ngừng cải tiến chương trình theo chuẩn quốc tế, tăng cường nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu; nhằm phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên.

#### ***Tầm nhìn***

Đến năm 2030, Khoa Tài chính - Ngân hàng và Quản trị kinh doanh là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng có uy tín về lĩnh vực tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, quản trị du lịch và khách sạn, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á, đảm bảo cho người học khi tốt nghiệp có đủ năng lực làm việc và thích ứng nhanh với nền kinh tế toàn cầu.

#### ***Giá trị cốt lõi***

Trách nhiệm, chuyên nghiệp, chất lượng, sáng tạo, nhân văn.

#### ***Triết lý giáo dục của Khoa TC – NH & QTKD***

Học để biết, học để làm, học để chung sống và cống hiến cho xã hội.

<b>Bốn trụ cột giáo dục của Unesco</b>	<b>Khung năng lực Châu Âu</b>	<b>Đề cương CDR</b>
Học để biết	Kiến thức	1. Kiến thức và lập luận ngành
Học để trưởng thành	Kỹ năng	2. Kỹ năng cá nhân nghề nghiệp và phẩm chất
Học để chung sống		3. Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng mềm
Học để làm	Năng lực	4. Năng lực nghề nghiệp

Triết lý giáo dục của Khoa được cụ thể hóa vào chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng như sau:

<b>Chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng</b>		<b>Triết lý giáo dục của Khoa</b>			
		Học để biết (Kiến thức và lập luận ngành)	Học để làm (Năng lực nghề nghiệp)	Học để chung sống (Kỹ năng)	Học để cống hiến cho XH (Tự chủ và trách nhiệm)
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	PLO1	<b>X</b>		<b>X</b>	<b>X</b>
	PLO2			<b>X</b>	<b>X</b>



(PLOs)	PLO3	X		X	X
	PLO4	X	X	X	X
	PLO5	X	X	X	X
	PLO6	X		X	X
	PLO7	X	X	X	X
	PLO8	X	X	X	X
	PLO9	X	X	X	X
	PLO10	X	X	X	X
	PLO11	X	X	X	X

#### 1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (ký hiệu: POs)

##### 1.4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân quản trị kinh doanh (QTKD) chuyên ngành thương mại quốc tế có đủ năng lực chuyên môn và nghiệp vụ, có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội và nhân văn, nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về thương mại quốc tế nhằm thực hiện các hoạt động kinh doanh và quản trị trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có tư duy nghiên cứu độc lập, năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc và khả năng học tập suốt đời; có kỹ năng mềm cần thiết cho các hoạt động nghề nghiệp. Đồng thời, những cử nhân QTKD có phẩm chất chính trị, đạo đức; có sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; tuân thủ pháp luật và ý thức bảo vệ môi trường; có ý thức phục vụ nhân dân góp phần cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

##### 1.4.2. Mục tiêu cụ thể

Cử nhân ngành quản trị kinh doanh chuyên ngành thương mại quốc tế có khả năng:

##### - Về kiến thức

+ PO1: Vận dụng kiến thức về khoa học cơ bản để học tập suốt đời. Có thể chất tốt và kiến thức về an ninh, quốc phòng.

+ PO2: Vận dụng kiến thức cơ sở ngành và khối ngành cùng kiến thức hiện đại về các nguyên lý nền tảng của quản trị kinh doanh và các chức năng quản trị cơ bản trong doanh nghiệp để phân tích, đánh giá tình hình thị trường, lập kế hoạch và tiến hành khởi nghiệp, tham gia đề xuất và thực hiện các kế hoạch,... cho cá nhân, tổ chức, chính phủ và các tổ chức quốc

tế trong môi trường toàn cầu một cách khoa học và có hiệu quả.

+ PO3: Vận dụng kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề một trong các lĩnh vực Quản trị kinh doanh thương mại quốc tế.

**- Về kỹ năng**

+ PO4: Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, lãnh đạo, phát hiện và giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, sáng tạo và khởi nghiệp.

+ PO5: Sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin căn bản tốt.

+ PO6: Có các kỹ năng quản lý doanh nghiệp và quản trị kinh doanh, bao gồm: Kỹ năng lãnh đạo; Kỹ năng lập kế hoạch và các kỹ năng chuyên môn quản trị kinh doanh thương mại quốc tế.

**- Về mức tự chủ và trách nhiệm**

+ PO7: Có phẩm chất đạo đức cá nhân tốt, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, chấp hành nghiêm túc pháp luật của Nhà nước và các quy định của tổ chức làm, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của xã hội trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế.

+ PO8: Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm làm việc trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc lĩnh vực QTKD, giám sát người khác thực hiện nghiệp vụ QTKD; có trách nhiệm với xã hội và môi trường.

**1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu: PLOs)**

**1.5.1. Về kiến thức**

1) PLO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội, pháp luật, tự nhiên – môi trường để diễn giải các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh và quản trị.

2) PLO2: Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất.

3) PLO3: Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành, khối ngành để tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kinh doanh và quản trị.

4) PLO4: Vận dụng được kiến thức ngành, chuyên ngành và hỗ trợ để đánh giá, giải quyết các vấn đề cơ bản trong các hoạt động quản trị tài chính, sản xuất, tiếp thị, nguồn nhân lực, chuỗi cung ứng và kinh doanh thương mại quốc tế.

**1.5.2. Về kỹ năng**

5) PLO5: Vận dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết trình trước đám đông; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng làm việc nhóm; và kỹ năng lập kế hoạch mục tiêu vào giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, kỹ năng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

6) PLO6: Kỹ năng ngoại ngữ: đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu – CEFR) theo quy định của Trường đối với khối ngành kinh tế.

7) PLO7: Kỹ năng tin học: đạt trình độ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo thông tư Số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

8) PLO8: Có kỹ năng hoàn thành các nghiệp vụ trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn của ngành trong những bối cảnh khác nhau ở lĩnh vực quản trị kinh doanh thương mại quốc tế.

9) PLO9: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề trong các hoạt động xây dựng chiến lược, quản trị tài chính, sản xuất, tiếp thị, nguồn nhân lực, chuỗi cung ứng, kinh doanh thương mại quốc tế.

### 1.5.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

10) PLO10: Có phẩm chất chính trị đúng đắn, đạo đức tốt; yêu ngành nghề, nghiêm túc trong công việc, có ý thức trách nhiệm cao.

11) PLO11: Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân và khả năng học tập suốt đời góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm làm việc; việc hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nghiệp vụ QTKD; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động trong lĩnh vực QTKD.

### Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
PO1	x	x									
PO2			x								
PO3				x							
PO4					x	x					
PO5						x	x				
PO6								x	x		
PO7			x	x					x	x	x
PO8			x	x					x	x	x

## 1.6. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá

### 1.6.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Chuẩn bị của giảng viên

+ Tài liệu giảng dạy, tài liệu hướng dẫn học tập, dụng cụ dạy học (nếu cần).

+ Các bài tập vận dụng, nghiên cứu tình huống liên quan đến nội dung của học phần giảng dạy.

- **Các phương pháp giảng dạy - học tập** [Dạy trực tiếp/gián tiếp/trải nghiệm/tương tác/tự học]

+ Dạy trực tiếp: thuyết giảng, thảo luận, tham luận.

+ Dạy gián tiếp: câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, dạy học theo tình huống, dạy học theo nhóm.

+ Học trải nghiệm: thực tập, thực tế, nghiên cứu tình huống.

+ Dạy học tương tác: thảo luận, làm việc nhóm.

+ Tự học: bài tập ở nhà, giải quyết tình huống cho sẵn

**Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp giảng dạy - học tập**

Phương pháp giảng dạy - học tập	Chuẩn đầu ra (PLOs)										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
<b>I. Dạy trực tiếp</b>											
1. Thuyết giảng	x		x	x				x	x	x	x
2. Tham luận			x	x	x			x	x		
<b>II. Dạy gián tiếp</b>											
3. Câu hỏi gợi mở	x		x	x	x			x	x		x
4. Giải quyết vấn đề	x		x	x	x			x	x		x
5. Dạy học theo tình huống			x	x	x			x	x		x
6. Dạy học theo nhóm			x	x	x						x
<b>III. Học trải nghiệm</b>											
7. Thực tập, thực tế			x	x	x	x	x	x	x	x	x
8. Nghiên cứu tình huống			x	x				x	x		x
<b>IV. Dạy học tương tác</b>											
9. Thảo luận			x	x	x			x	x		
10. Làm việc nhóm			x	x	x					x	x
<b>V. Tự học</b>											
11. Bài tập ở nhà			x	x						x	x
12. Giải quyết tình huống cho sẵn			x	x	x			x	x	x	x

- **Cải tiến nâng cao chất lượng dạy học**

Bên cạnh việc áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy – học tập như trên thì giảng viên cần phải thường xuyên cải tiến phương pháp giảng dạy, áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại ở bậc đại học nhằm giúp người học đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và nâng cao chất lượng dạy học. Việc cải tiến được thực hiện theo hướng giảng viên

tăng cường vận dụng công nghệ và các phương pháp giảng dạy hiện đại để phát huy tính tích cực, sáng tạo, độc lập của sinh viên nhằm giúp sinh viên chủ động trong học tập, tích cực nghiên cứu sách, bài báo, tạp chí chuyên ngành,... phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

### 1.6.2. Phương pháp đánh giá

#### \* Thang điểm đánh giá:

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

#### \* Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

##### a. Học phần lý thuyết

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Chọn 1 trong các trọng số sau		
			Trọng số	Trọng số	Trọng số
1	Chuyên cần	<i>Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học</i> <i>Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng</i>	10%	10%	10%
2	Quá trình	<i>* Sinh viên làm 1 hoặc nhiều bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết hoặc thuyết trình) theo các trọng số khác nhau tùy thuộc độ khó theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</i> <i>- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.</i> <i>* Các bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</i> <i>- Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớn, bài tập nhóm: nội dung, hình thức, thể hiện bài báo cáo theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</i> <i>* Các bài thực hành theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</i> <i>- Tiêu chí đánh giá bài thực hành: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.</i>	20%	30%	40%
3	Cuối kỳ	<i>Thi kết thúc học phần</i> <i>* Hình thức thi: Viết/vấn đáp.</i> <i>- Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.</i> <i>* Hình thức thi: Thực hành.</i> <i>- Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.</i> <i>* Hình thức thi: Bài báo cáo</i> <i>- Tiêu chí đánh giá bài thi: nội dung, hình thức, vấn đáp bài báo cáo.</i>	70%	60%	50%

##### b. Học phần thực hành

Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

c. Học phần đề án môn học, thực tập nhận thức, thực tập tốt nghiệp

50% điểm quá trình; 50% điểm vấn đáp.

d. Học phần khóa luận/đề án tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1241/QĐ-ĐHQN ngày 15/5/2014 của Trường Đại học Quy Nhơn.

#### \* Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết (Summative Assessment).

Diễn giải để mô tả các phương pháp đánh giá như trong bảng:

#### Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
<b>I. Đánh giá tiến trình</b>											
1. Đánh giá chuyên cần										X	X
2. Đánh giá bài tập	X		X	X		X		X	X	X	X
3. Đánh giá thuyết trình					X	X		X	X	X	X
4. Đánh giá bài tập nhóm			X	X	X	X		X	X	X	X
5. Đánh giá bài tập lớn			X	X				X	X	X	X
6. Đánh giá bài báo cáo			X	X				X	X	X	X
<b>II. Đánh giá tổng kết</b>											
7. Kiểm tra viết		X	X	X		X	X	X	X	X	X
8. Kiểm tra trắc nghiệm			X	X				X	X	X	X
9. Thi vấn đáp			X	X	X			X	X	X	X
10. Báo cáo			X	X				X	X	X	X
11. Bảo vệ khóa luận TN			X	X				X	X	X	X
12. Kiểm tra thực hành		X					X			X	X

## 2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

### 2.1. Cấu trúc chương trình dạy học

STT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Số tín chỉ
-----	----------------------------	------------

		Bắt buộc	Tự chọn
<b>1</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>22</b>	<b>0</b>
1.1	Khoa học chính trị và pháp luật	13	0
1.2	Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - AN	12	0
1.3.	Ngoại ngữ	7	0
1.4	KHXH/Toán, KHTN - Môi trường, KH quản lý	2	0
<b>2</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>102</b>	<b>11</b>
2.1	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	23	0
2.2	Kiến thức ngành, chuyên ngành	46	9
2.3	Kiến thức bổ trợ	27	2
2.4	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	6	0
<b>Tổng:</b>		<b>124</b>	<b>11</b>
		<b>135</b>	

**- Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 9 học phần:**

Khối kiến thức giáo dục đại cương trang bị cho người học những kiến thức căn bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, giáo dục quốc phòng - an ninh, ngoại ngữ. Nhằm giúp người học hiểu rõ về thể chế chính trị của Việt Nam, nắm vững đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, cũng như có những kiến thức căn bản về nền quốc phòng - an ninh của quốc gia. Từ đó, giúp người học nâng cao lý luận chính trị, có phẩm chất đạo đức, có ý thức tuân thủ pháp luật, hiểu và thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

**- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 42 học phần:**

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp giúp người học có nền tảng kiến thức cơ bản về kinh tế để có thể tự học tập và phát triển nghề nghiệp suốt đời.

Ngoài ra, khối kiến thức chuyên ngành trang bị những kiến thức chuyên sâu và toàn diện và hiện đại về các nguyên lý nền tảng của quản trị kinh doanh và các chức năng quản trị cơ bản trong doanh nghiệp để phân tích, đánh giá tình hình thị trường, lập kế hoạch và tiến hành khởi nghiệp, tham gia đề xuất và thực hiện các kế hoạch,... cho cá nhân, tổ chức, chính phủ và các tổ chức quốc tế trong môi trường toàn cầu một cách khoa học và có hiệu quả.

Đồng thời, khối kiến thức này cũng trang bị những kiến thức chuyên sâu liên quan đến thương mại quốc tế nhằm giúp người học vận dụng, thực hành, sáng tạo trong nghề nghiệp cả về nghiệp vụ, kỹ năng tổ chức, quản lý lẫn các mối quan hệ nghề nghiệp, xã hội. Thêm vào đó, đây cũng là khối kiến thức giúp người học nâng cao phẩm chất đạo đức, pháp luật, chuẩn mực nghề nghiệp, ý thức cộng đồng, xã hội.

## 2.2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Khối kiến thức		Số TC	Tỉ lệ	PLOs												
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		
<b>1</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	22	<b>16,3%</b>													
1.1.	Khoa học chính trị và pháp luật	13	9,6%	M										M	M	
1.2.	Giáo dục thể chất, GD quốc phòng - AN	12			M											L
1.3.	Ngoại ngữ	7	5,2%					M	M						M	M
1.4.	KHXH/Toán, KHTN - Môi trường, KH quản lý	2	1,5%					M								L
<b>2</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	113	<b>83,7%</b>													
2.1.	Khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	23	17,0%	M		M		M		M	M	M	M	M	M	M
2.2.	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	55	40,8%	L		H	H	H			H	H	M	H		
2.3.	Khối kiến thức bổ trợ	29	21,5%	M		M	H	M			H	H	M	M		
2.4.	Khóa luận tốt nghiệp/học phần thay thế KLTN	6	4,4%			H	H	H			H	H	M	M		

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

## 2.3. Danh sách các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
					LT	BT	TL						
<b>I. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>					<b>34 TC</b>								
<b>I.1. Khoa học chính trị và pháp luật</b>					<b>13 TC</b>								
1	1130299	Triết học Mác – Lênin	1	3	40		10			85		LLCT – LUẬT & QLNN	
2	1130300	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	27		6			57	1130299	LLCT – LUẬT & QLNN	
3	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	27		6			57	1130300	LLCT – LUẬT & QLNN	
4	1130302	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	4	2	27		6			57	1130301	LLCT – LUẬT & QLNN	
5	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	2	27		6			57	1130302	LLCT – LUẬT & QLNN	
6	1130049	Pháp luật đại cương	2	2	27		6			57		LLCT –	



													LUẬT & QLNN	
<b>I.2. Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-AN</b>				<b>Đ</b>										
<b>I.2.1. Giáo dục thể chất: Sinh viên chọn 1 trong 7 nhóm GDTC sau</b>				<b>K</b>										
				<b>3</b>										
7	1120172	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)(*))	1	1	4			26		21			GDTC-QP	
8	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)(*))	2	1	4			26		21	1120172		GDTC-QP	
9	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)(*))	3	1	4			26		21	1120173		GDTC-QP	
10	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)(*))	1	1	4			26		21			GDTC-QP	
11	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)(*))	2	1	4			26		21	1120175		GDTC-QP	
12	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)(*))	3	1	4			26		21	1120176		GDTC-QP	
13	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)(*))	1	1	4			26		21			GDTC-QP	
14	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)(*))	2	1	4			26		21	1120178		GDTC-QP	
15	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)(*))	3	1	4			26		21	1120179		GDTC-QP	
16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)(*))	1	1	4			26		21			GDTC-QP	
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)(*))	2	1	4			26		21	1120181		GDTC-QP	
18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)(*))	3	1	4			26		21	1120182		GDTC-QP	
19	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)(*))	1	1	4			26		21			GDTC-QP	
20	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)(*))	2	1	4			26		21	1120184		GDTC-QP	
21	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)(*))	3	1	4			26		21	1120185		GDTC-QP	
22	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)(*))	1	1	4			26		21			GDTC-QP	
23	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)(*))	2	1	4			26		21	1120187		GDTC-QP	
24	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)(*))	3	1	4			26		21	1120188		GDTC-QP	
25	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)(*))	1	1	4			26		21			GDTC-QP	
26	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)(*))	2	1	4			26		21	1120190		GDTC-QP	
27	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)(*))	3	1	4			26		21	1120191		GDTC-QP	

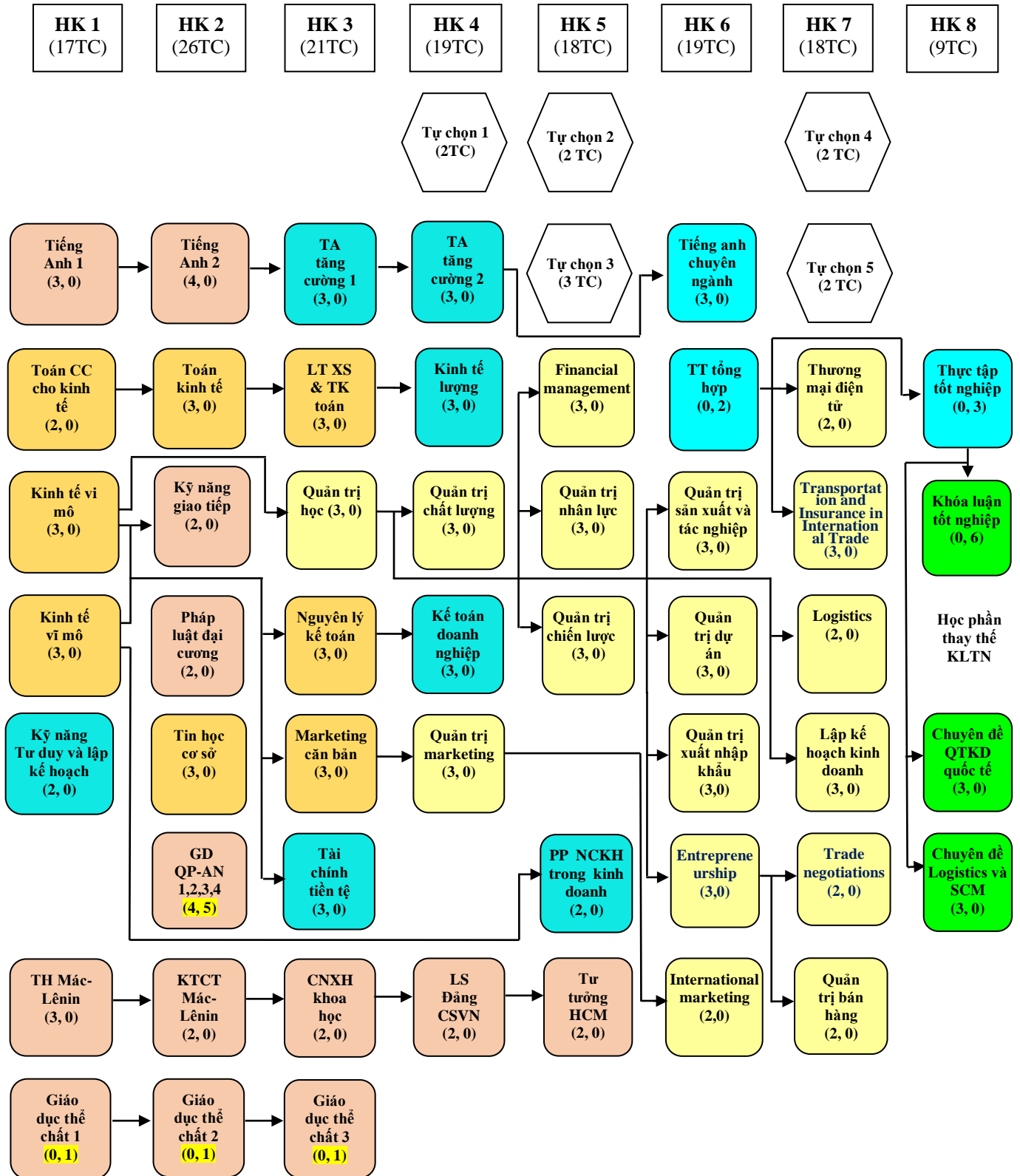
<b>I.2.2. Giáo dục quốc phòng-AN</b>				9									
28	1120168	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1(*)	2	3	37		8			82			GDTC-QP
29	1120169	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2(*)	2	2	22		8			52			GDTC-QP
30	1120170	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3(*)	2	2	14			16		44			GDTC-QP
31	1120171	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 4(*)	2	2	4			56		64			GDTC-QP
<b>I.3. Ngoại ngữ</b>				<b>7 TC</b>									
32	1090061	Tiếng Anh 1	1	3	30	15				90			Ngoại ngữ
33	1090166	Tiếng Anh 2	2	4	40	20				120	1090061		Ngoại ngữ
<b>I.4. KHXH/Toán, KHTN - Môi trường, KH quản lý</b>				<b>2TC</b>									
34	2030003	Kỹ năng giao tiếp	2	2	18		4	20		48			KHXH & NV
<b>II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				<b>113 TC</b>									
<b>II.1. Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành</b>				<b>23TC</b>									
35	1140170	Kinh tế vi mô	1	3	34	9	4			90			KT&KT
36	1140171	Kinh tế vĩ mô	1	3	36	9				90			KT&KT
37	1140182	Toán cao cấp cho kinh tế	1	2	24	6				60			KT&KT
38	1140104	Toán kinh tế	2	3	36	9				90	1140182		KT&KT
39	1050243	Tin học cơ sở	2	3	30			30		75			CNTT
40	1140047	Lý thuyết Xác suất và Thống kê toán	3	3	36	9				90	1140182 1140104		KT&KT
41	1140048	Nguyên lý kế toán	3	3	36	9				90	1140170, 1140171		KT&KT
42	1150035	Marketing căn bản	3	3	40	5				90	1140170, 1140171		TC-NH và QTKD
<b>II.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành</b>				<b>55</b>									
<b>II.2.1. Kiến thức ngành</b>				<b>32 TC</b>									
<b>II.2.1a. Phần bắt buộc</b>				<b>27 TC</b>									
43	1150075	Quản trị học	3	3	36	6	6			90	1140170		TC- NH&QTKD
44	1150066	Quản trị chiến lược	5	3	32	8	10			90	1150075		TC- NH&QTKD
45	1150084	Quản trị nhân lực	5	3	32	11	2	2		90	1150075		TC- NH&QTKD
46	1150363	Financial management	5	3	29	15	2			90	1150075		TC-NH và QTKD
47	1150081	Quản trị Marketing	4	3	40	5				90	1150035		TC- NH&QTKD
48	1150073	Quản trị dự án	6	3	35	8	4			90	1150075		TC- NH&QTKD
49	1150087	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	6	3	30	13	2	2		90	1150075		TC- NH&QTKD
50	1150064	Quản trị chất lượng	4	3	25	14	12			90	1150075		TC- NH&QTKD
51	1150365	Entrepreneurship	6	3	35	8	4			90	1150075		TC-NH và QTKD
<b>II.2.1b. Phần tự chọn</b>				<b>5 TC</b>									
+ Chọn 1 trong 3 học phần: 2/6 TC													
52	1150118	Thị trường tài chính	4	2	22	6	4			60	1150098		TC- NH&QTKD
53	1150059	Quản lý công nghệ	4	2	24	4	4			60	1150075		TC- NH&QTKD
54	1150249	Lãnh đạo học	4	2	22	4	8			60	1150075		TC- NH&QTKD

+ Chọn 1 trong 3 học phần: 3/9 TC													
55	1140167	Kế toán quản trị	5	3	36	8	2			90	1140048	KT&KT	
56	1150050	Phân tích hoạt động kinh doanh	5	3	30	15				90	1140048	TC-NH&QTKD	
57	1150133	Văn hoá kinh doanh	5	3	40		10			90	1150075	TC-NH&QTKD	
<b>II.2.2. Kiến thức chuyên ngành 23 TC</b>													
<b>*. Phân bắt buộc 19 TC</b>													
58	1150367	International marketing	6	2	27	1	4			60	1150081	TC-NH&QTKD	
59	1150385	Lập kế hoạch kinh doanh	7	3	34	9	4			90	1150075	TC-NH và QTKD	
60	1150262	Quản trị bán hàng	7	2	24	4	4			60	1150365	TC-NH&QTKD	
61	1150251	Logistics	7	2	24	4	4			60	1150075	TC-NH&QTKD	
62	1150399	Quản trị xuất nhập khẩu	7	3	29	13	4	2		90	1150075	TC-NH&QTKD	
63	1150370	Trade negotiations	7	2	22	4	8				1150365	TC-NH&QTKD	
64	1150371	Transportation and insurance in international trade	7	3	35	5	10			90	1150120	TC-NH&QTKD	
65	1150127	Thương mại điện tử	7	2	25			10		60	1150120	TC-NH&QTKD	
<b>* Phân tự chọn</b>													
<b>Chọn 1 trong 2 học phần: 2/4TC</b>													
66	1150258	Nhượng quyền kinh doanh	7	2	25	4	2			60	1150120	TC-NH&QTKD	
67	1150372	Event holding	7	2	24		12			60	1150365	TC-NH&QTKD	
<b>Chọn 1 trong 2 học phần: 2/4TC</b>													
68	1150265	Quản trị chuỗi cung ứng	7	2	22	5	6			60	1150075	TC-NH&QTKD	
69	1150267	Quản trị kênh phân phối	7	2	25		10			60	1150365	TC-NH&QTKD	
<b>II.3. Kiến thức bổ trợ 29 TC</b>													
<b>II.3.1. Đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp 26 TC</b>													
<b>* Các học phần bắt buộc 22 TC</b>													
70	1150248	Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch	1	2	24	4	4			60		TC-NH&QTKD	
71	1150055	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	4	2	23	4	6			60	1140171	TC-NH&QTKD	
72	1140033	Kinh tế lượng	4	3	30	9		12		90	1140047	KT&KT	
73	1140015	Kế toán doanh nghiệp	4	3	34	9	2	2		90	1140048	KT&KT	
74	1150098	Tài chính - Tiền tệ	3	3	38	5	4			90	1140170 1140171	TC-NH&QTKD	
75	1090268	Tiếng Anh tăng cường 1	3	3	30	15				90	1090166	NN	
76	1090269	Tiếng Anh tăng cường 2	4	3	30	15				90	1090268	NN	
77	1150214	Tiếng Anh chuyên ngành	6	3	34	4	14			90	1090269	TC-NH&QTKD	
<b>* Các học phần tự chọn 2TC</b>													
<b>+ Chọn 1 trong 3 học phần 2/6 TC</b>													
78	1130036	Luật kinh tế	5	2	30					60	1130049	GDCT&QLNN	
79	1150364	International payment	5	2	21	6	6			60	1150098	TC-NH và QTKD	
80	1150144	Thuế	5	2	22	8				60		TC-NH và QTKD	
<b>II.3.2. Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp 5TC</b>													
81	1150120	Thực tập tổng hợp	6	2					x			TC-	

												NH&QTKD	
82	1150122	Thực tập tốt nghiệp	8	3					x		1150120	TC- NH&QTKD	
<b>II.4. Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế 6TC</b>													
83	1150447	Khóa luận tốt nghiệp	8	6					x			TC- NH&QTKD	
<i>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp 6 TC</i>													
84	1150375	Chuyên đề Quản trị kinh doanh quốc tế	8	3	37	7	2			90	1150120	TC- NH&QTKD	
85	1150432	Chuyên đề Logistics và SCM	8	3	30	10	10			90	1150120	TC-NH và QTKD	
<b>Tổng cộng</b>				<b>147</b>									

Ghi chú: (\*) – Học phần điều kiện

2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy





9	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)		M										L
10	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)		M										L
11	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)		M										L
12	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)		M										L
13	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)		M										L
14	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)		M										L
15	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)		M										L
16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)		M										L
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)		M										L
18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)		M										L
19	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)		M										L
20	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)		M										L
21	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)		M										L
22	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)		M										L
23	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)		M										L
24	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)		M										L
25	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)		M										L
26	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)		M										L
27	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)		M										L
28	1120168	Giáo dục quốc phòng-An ninh 1		M										L
29	1120169	Giáo dục quốc phòng-An ninh 2		M										L
30	1120170	Giáo dục quốc phòng-An ninh 3		M										L
31	1120171	Giáo dục quốc phòng-An ninh 4		M										L
32	1090061	Tiếng Anh 1					L	L					M	M
33	1090062	Tiếng Anh 2					M	M					M	M
34	2030003	Kỹ năng giao tiếp					M							L
35	1140170	Kinh tế vi mô			M		L					L	L	L
36	1140171	Kinh tế vĩ mô			M							L	L	L
37	1140182	Toán cao cấp cho kinh tế	M		M		L							L
38	1140104	Toán kinh tế			M									
39	1050243	Tin học cơ sở							M			M		
40	1140047	Lý thuyết Xác suất và Thống kê toán	M											
41	1140048	Nguyên lý kế toán			M						M		M	M
42	1150035	Marketing căn bản			M		M				M	L	M	L
43	1150075	Quản trị học	L		M		L				L	L	M	M
44	1150066	Quản trị chiến lược				M	M					L	M	M
45	1150084	Quản trị nhân lực				M	M				M	M	M	M
46	1150363	Financial management				M		L			M	M	M	M

47	1150081	Quản trị Marketing				M	M			M	M	M	M
48	1150073	Quản trị dự án				M	L			L	L	M	M
49	1150087	Quản trị sản xuất và tác nghiệp				M	L			M	M	M	M
50	1150064	Quản trị chất lượng				M	L			M	M	M	M
51	1150365	Entrepreneurship				H	M			H	H	M	M
52	1150118	Thị trường tài chính				M	M			M		M	M
53	1150059	Quản lý công nghệ				L	M				M	M	M
54	1150249	Lãnh đạo học				M	M			M	M	M	M
55	1140167	Kế toán quản trị			H						M	M	H
56	1150050	Phân tích hoạt động kinh doanh			M	M	L			M	M	M	M
57	1150133	Văn hoá kinh doanh				M	M			M	M	M	M
58	1150367	International marketing				L	L			M	M	M	M
59	1150385	Lập kế hoạch kinh doanh				M	H			M	M	M	M
60	1150262	Quản trị bán hàng			M	M	L			M	M	M	M
61	1150251	Logistics				M	M			M	M	M	M
62	1150399	Quản trị xuất nhập khẩu				M	L			M	M	M	M
63	1150370	Trade negotiations			M	M	L			M	M	M	M
64	1150371	Transportation and insurance in international trade				M	M			M	M	M	M
65	1150127	Thương mại điện tử				M	M			M	M	M	M
66	1150258	Nhượng quyền kinh doanh				M	L			M	M	M	M
67	1150372	Event holding				M	L			M	M	M	M
68	1150265	Quản trị chuỗi cung ứng				M	L			M	M	M	M
69	1150267	Quản trị kênh phân phối				M	M			M	M	M	M
70	1150248	Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch			L		M					M	M
71	1150055	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh				M	M			M	M	M	M
72	1140033	Kinh tế lượng	M			M	L				L		L
73	1140015	Kế toán doanh nghiệp			M					M		M	M
74	1150098	Tài chính - Tiền tệ				L	M			M	M	M	M
75	1090268	Tiếng Anh tăng cường 1					M	M					M
76	1090269	Tiếng Anh tăng cường 2					M	M					M
77	1150214	Tiếng Anh chuyên ngành			M	M	M					M	M
78	1130036	Luật kinh tế	L							M	M	L	L
79	1150364	International payment				M	L			M	M	M	M
80	1150144	Thuế				M	M			M	L	L	M
81	1150120	Thực tập tổng hợp				M	M			M	M	M	M
82	1150122	Thực tập tốt nghiệp			M	H	L			M	H	M	M
83	1150447	Khóa luận tốt nghiệp			H	H	H			H	H	M	M
84	1150375	Chuyên đề Quản trị kinh doanh quốc tế				M	L			M	M	M	M
85	1150432	Chuyên đề Logistics và SCM			M	M	L			M	M	M	M



Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

## **2.6. Mô tả tóm tắt các học phần**

### **1.[1130299], [Triết học Mác – Lênin], [3]**

Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận chung về triết học nói chung và triết học Mác–Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong CN duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó trang bị thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người.

### **2.[1130300], [Kinh tế chính trị Mác – Lênin], [2]**

Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

### **3.[1130301], [Chủ nghĩa xã hội khoa học], [2]**

Nội dung môn học gồm 7 chương trong đó Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH như quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXH. Từ Chương 2 đến Chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH như Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình...trong TKQĐ lên CNXH.

Cũng như Triết học và kinh tế chính trị học Mác- Lênin, nghiên cứu, CNXHKKH không chỉ giải thích thế giới mà căn bản là cải tạo thế giới theo quy luật của tự nhiên, phù hợp với tiến bộ, văn minh. Nghiên cứu, học tập CNXHKKH có ý nghĩa quan trọng, trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội CSCN, giải phóng con người, giải phóng xã hội... Từ đó sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.

### **4.[1130302], [Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam], [2]**

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới ( sau 1975).

**5.[1130091], [Tur tưởng Hồ Chí Minh], [2]**

Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chỉ ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.

**6.[1130049], [Pháp luật đại cương], [2]**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Thông qua việc nghiên cứu Học phần, người học có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có những kiến thức cơ bản về Hệ thống pháp luật Việt Nam và hình thành kỹ năng tuân thủ, thi hành, sử dụng pháp luật, vận dụng pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.

**7.[1120172], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)], [1]**

- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tâng bóng bằng đùi, đá bóng bằng lòng bàn chân, má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, phương pháp rèn luyện các tố chất thể lực, một số điều luật của Bóng đá 5 người.

- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

**8.[1120173], [Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)], [1]**

- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tâng bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu chính diện, sút bóng má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao.

- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

**9.[1120174], [Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)], [1]**

- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật ném biên, ôn tập các kỹ thuật đã học ở những học phần trước như các kỹ thuật sút bóng, dẫn bóng, tâng bóng..., một số điều luật của Bóng đá 11 người, Lịch sử phát triển bóng đá của thế giới và Việt Nam.

- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

**10.[1120175], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)], [1]**

Khái quát lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TDTT. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật di chuyển, đệm bóng [chuyền bóng thấp tay], chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, một số điều luật và phương pháp trọng tài bóng chuyền.

**11.[1120176], [Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyên 2)], [1]**

Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyên. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyên, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng chuyên. Một số bài tập bổ trợ cho môn học. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng [chuyên bóng thấp tay], chuyên bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lấy đà.

**12.[1120177], [Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyên 3)], [1]**

Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và phương pháp tập luyện môn bóng chuyên. Nâng cao các kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật chuyên bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật đập bóng. Các kỹ thuật chắn bóng, kỹ thuật phòng thủ, chiến thuật tấn công và chiến thuật phòng thủ, đội hình thi đấu và thi đấu ứng dụng.

**13.[1120178], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)], [1]**

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.

**14.[1120179], [Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)], [1]**

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.

**15.[1120180], [Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)], [1]**

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ, có thể vận dụng vào trong thi đấu.

**16.[1120181], [Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)], [1]**

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.

**17.[1120182], [Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)], [1]**

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.

**18.[1120183], [Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)], [1]**

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

Thực hiện đúng các kỹ thuật nâng cao khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

**19.[1120184], [Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)], [1]**

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển thành tích học tập.

- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tính tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

**20.[1120185], [Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)], [1]**

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành võ thuật thuần thực căn bản, gồm: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản thuần thực, chính xác. Nắm vững kỹ thuật đấu luyện tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền và Đối kháng nhằm phát triển thể lực toàn diện và nâng cao thành tích học tập.

- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, làm việc nhóm, tính tập thể, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

**21.[1120186], [Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)], [1]**

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật cơ bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ-chiến thuật cơ bản tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt nam trong tập luyện, thi đấu Quyền thuật và thi đấu Đối kháng nhằm phát triển thành tích chuyên môn và hoàn thiện thể chất.

- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

**22.[1120187], [Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)], [1]**

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo

- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

### **23.[1120188], [Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)], [1]**

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

### **24.[1120189], [Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)], [1]**

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

### **25.[1120190], [Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)], [1]**

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

### **26.[1120191], [Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)], [1]**

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

**27.[1120192], [Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)], [1]**

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

**28.[1120168], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 1], [3]****29.[1120169], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 2], [2]****30.[1120170], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 3], [2]****31.[1120171], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 4], [2]****32.[1090061], [Tiếng Anh 1], [3]**

Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng, *Tiếng Anh 1*, học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, giúp sinh viên hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ Anh, từ đó sử dụng tiếng Anh là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.

**33.[1090066], [Tiếng Anh 2], [4]**

Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học trong học phần *Tiếng Anh 1*, *Tiếng Anh 2* bổ sung các cấu trúc ngữ pháp đã học, mở rộng và so sánh các cấu trúc này với nhau, đồng thời trình bày rõ các điểm ngữ pháp quan trọng như *phrasal verbs*, *linking words* và *collocations*, v.v. và những chủ đề khó hơn như *âm nhạc và tính cách*, *phim ảnh*, *sự kiện quá khứ* và *trải nghiệm* với mục đích giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.

**34.[1150303], [Kỹ năng giao tiếp], [2]**

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức hỗ trợ đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp ngành Quản trị kinh doanh. Học phần đề cập đến các nội dung về kiến thức và kỹ năng cơ bản về giao tiếp trong môi trường kinh doanh năng động và toàn cầu hóa, nắm được bản chất và các hình thức giao tiếp trong kinh doanh, các kỹ năng đàm phán, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng báo cáo và những công cụ quan trọng để rèn luyện và nâng cao kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong kinh doanh. Bên cạnh đó, môn học đưa ra các phương pháp thực hành và giải quyết bài tập tình huống để trang bị cho sinh viên các kỹ năng giao tiếp trực tiếp và gián tiếp trong môi trường kinh doanh. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên có cái nhìn khái quát hơn về môi trường giao tiếp công sở của các nước

tiên tiến trên thế giới nhằm giúp họ đạt hiệu quả cao trong quá trình thuyết phục và đàm phán với đối tác. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như kỹ năng tư duy và lập kế hoạch và các học phần đào tạo kỹ năng hỗ trợ nghề nghiệp khác.

### **35.[1140170], [Kinh tế vi mô], [3]**

Kinh tế vi mô là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, nghiên cứu bản chất của hiện tượng kinh tế, tính quy luật và xu hướng vận động của các hiện tượng trong nền kinh tế thị trường. Khác với Kinh tế vĩ mô nghiên cứu nền kinh tế như một tổng thể, Kinh tế vi mô tập trung vào việc phân tích các hành vi của các chủ thể kinh tế như người sản xuất, người tiêu dùng, kể cả Chính phủ trên từng thị trường riêng biệt. Học phần có quan hệ là nền tảng cho các học phần khác như: Marketing căn bản, Khởi sự kinh doanh.

### **36.[1140171], [Kinh tế vĩ mô], [3]**

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức cơ sở ngành cho ngành quản trị kinh doanh. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết về nguyên lý của kinh tế học, các vấn đề kinh tế vĩ mô như sản lượng quốc gia, tổng cung tổng cầu, lạm phát và thất nghiệp và các vấn đề liên quan đến chính sách của chính phủ sử dụng để điều hành nền kinh tế. Bên cạnh đó học phần cũng cung cấp các kiến thức liên quan đến nền kinh tế mở như cán cân thanh toán và tỷ giá hối đoái. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như kinh tế vi mô, kinh tế phát triển, tài chính - tiền tệ.

### **37.[1140182], [Toán cao cấp cho kinh tế], [2]**

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính như ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector  $n$  chiều và ứng dụng của chúng trong kinh tế, giúp cho người học có công cụ để diễn giải một số vấn đề kinh tế - xã hội.

Học phần thuộc kiến thức cơ sở và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Quản trị kinh doanh. Dựa trên nền tảng sinh viên nắm rõ các khái niệm cơ bản của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần giúp người học phân tích một số mối quan hệ kinh tế vi mô và vĩ mô cơ bản bằng công cụ toán học.

### **38.[1140104], [Toán kinh tế], [3]**

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức toán giải tích cơ bản về hàm số một biến, hàm số nhiều biến, phép toán tích phân, phương trình vi phân, phương trình sai phân và những ứng dụng của chúng trong phân tích kinh tế.

Học phần thuộc kiến thức ngành và cơ sở ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Dựa trên nền tảng sinh viên đã nắm rõ các khái niệm cơ bản của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần giúp người học hiểu được cách thức áp dụng các công cụ toán học để giải quyết các bài toán quản trị.

### **39.[1150243], [Tin học cơ sở], [3]**

Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và những ứng dụng đặc trưng của Tin học trong nhóm ngành kinh tế. Từ những thông tin, các thao tác thực hành của môn học giúp sinh viên có thể biết, hiểu, vận dụng những khái niệm, những ứng dụng mới của Tin học dùng trong các lĩnh vực của nhóm ngành kinh tế, sinh viên có thể tiếp cận cách

giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Python.

**40.[1140047], [Lý thuyết Xác suất và Thống kê toán], [3]**

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê toán bao gồm: biến cố và xác suất, biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng, biến ngẫu nhiên hai chiều, cơ sở lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết thống kê.

Học phần thuộc kiến thức ngành và cơ sở ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Dựa trên nền tảng sinh viên đã có những hiểu biết cơ bản về toán kinh tế, học phần giúp người học hiểu được cách thức sử dụng các công cụ xác suất và thống kê để tính toán, diễn giải các hiện tượng kinh tế - xã hội.

**41.[1140048], [Nguyên lý kế toán], [3]**

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong doanh nghiệp, học phần Nguyên lý kế toán bao gồm một số nội dung cơ bản như sau: hệ thống hóa những nét tổng quan nhất về đối tượng, nhiệm vụ và các nguyên tắc kế toán chung; các phương pháp sử dụng trong hạch toán kế toán; một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong thực tiễn.

Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Quản trị kinh doanh. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô; học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức cơ bản về kế toán đối với sinh viên ngành quản trị kinh doanh và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.

**42.[1150035], [Marketing căn bản], [3]**

Học phần Marketing căn bản trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan nhất về Marketing, các quan điểm quản trị Marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, môi trường Marketing và hành vi mua của khách hàng, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm. Đồng thời giáo trình marketing căn bản xây dựng các công cụ của Marketing hỗn hợp (Marketing - Mix) để tác động vào thị trường mục tiêu nhằm thỏa mãn nhu cầu khách hàng mục tiêu và đạt được các mục tiêu đã đặt ra của doanh nghiệp.

Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành quản trị kinh doanh, tài chính ngân hàng, thương mại quốc tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, học phần giúp sinh viên phát triển kiến thức marketing toàn diện sau khi ra trường.

**43.[1150075], [Quản trị học], [3]**

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức nền tảng của ngành quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm, nội dung cơ bản về quản trị, tiếp cận và nắm bắt được các quan điểm, lý thuyết quản trị, kiến thức và kỹ năng thực hiện các chức năng quản trị, khả năng giải quyết các bài tập tình huống quản trị và rút ra những phương pháp và nguyên tắc chung có thể ứng dụng trong thực tiễn. Học phần trang bị những kiến thức rất cần thiết cho các nhà quản trị trong tất cả các lĩnh vực. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như kinh tế vi



mô, kinh tế vĩ mô, quản trị marketing và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong tổ chức.

**44.[1150066], [Quản trị chiến lược], [3]**

Học phần Quản trị chiến lược cung cấp cho sinh viên những khái niệm, cách tiếp cận, phân loại, quy trình và các nội dung của quản trị chiến lược. Đồng thời, môn học cũng cung cấp phương pháp và những công cụ kỹ thuật giúp sinh viên có thể thực hiện các hoạt động nghiên cứu và phân tích, đánh giá môi trường, xây dựng và lựa chọn chiến lược cho doanh nghiệp. Các chiến lược trong thực tiễn cũng được trình bày một cách sinh động, được hệ thống và tìm ra đặc trưng giúp sinh viên có thể nhận biết và vận dụng trong thực tế doanh nghiệp.

Học phần Quản trị chiến lược nằm trong khối kiến thức bắt buộc đối với sinh viên ngành Quản trị kinh doanh, cung cấp cho các em cách tiếp cận, các phương pháp, kỹ năng tư duy chiến lược, phân tích chiến lược, ra quyết định, triển khai và đánh giá chiến lược. Tính tổng quát, và tầm nhìn dài hạn là đặc trưng khác biệt giữa học phần quản trị chiến lược với các học phần quản trị cụ thể như quản trị Marketing, quản trị tài chính, quản trị sản xuất và tác nghiệp, ... Sinh viên cũng cần có những hiểu biết về các học phần quản trị cụ thể khi thực hiện các phân tích chiến lược.

**45.[1150084], [Quản trị nhân lực], [3]**

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức ngành của ngành quản trị kinh doanh, đó là quản trị con người (người lao động trong tổ chức). Học phần đề cập đến các nội dung về tầm quan trọng của việc quản lý con người, hoạch định nguồn nhân lực, phân tích công việc, tuyển dụng, đánh giá thực hiện công việc của người lao động, tạo động lực lao động và trả công lao động nhằm trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng quản trị nhân lực cần thiết đảm bảo hiệu quả sử dụng nhân lực và hoạt động kinh doanh của tổ chức. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị tài chính, quản trị marketing và các học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

**46.[1150363], [Financial management], [3]**

Financial Management is one of the courses providing professional knowledge for students in the Business Administration major. This course will equip students the financial analyze and planning skills in the corporations; how to decide long-term investment policies; how to evaluate the cost of capital and companies' risks; how to select the company's optimal capital structure or how capital allocation should be decided, etc. The students will study the main theories in corporate finance, explore the specific case studies, learn how to solve the case studies.

Financial Management is compulsory and belong to the group of Professional Education courses. The course is highly associates with other subjects such as Management Account, Establish and Evaluate Investment Projects, Risk Management, Human Resource Management, and Marketing Management. Knowledge obtaining from this course will support and assist the executives to decide correctly in planning the organization's business.

**47.[1150081], [Quản trị marketing], [3]**

Giới thiệu các triết lý quản trị Marketing ứng với quá trình ra đời và phát triển của Marketing, vai trò của Marketing; hoạch định chiến lược Marketing; phân tích hệ thống thông tin, nghiên cứu

Marketing và dự báo nhu cầu; phân tích môi trường Marketing để xác định các cơ hội, nguy cơ, điểm mạnh và điểm yếu trong hoạch động Marketing để giúp cho công tác hoạch định chiến lược; phân tích hành vi của khách hàng; phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường; hoạch định các chính sách Marketing- Mix cho doanh nghiệp gồm bốn công cụ: sản phẩm, giá, phân phối và xúc tiến hỗn hợp; quản trị các nỗ lực Marketing.

Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, marketing căn bản, học phần này sẽ giúp phát triển các kiến thức quản trị Marketing của sinh viên và là nền tảng phát triển kiến thức toàn diện cho sinh viên sau khi ra trường.

#### **48.[1150073], [Quản trị dự án], [3]**

Học phần Quản trị dự án là học phần thuộc khối kiến thức ngành của ngành Quản trị kinh doanh, học phần này là sự tổng hợp của các học phần đại cương đã học trước và có mối quan hệ hỗ trợ với các học phần thuộc khối kiến thức ngành khác cũng như các kiến thức chuyên ngành. Học phần trình bày những kiến thức cơ bản về quản trị dự án đầu tư trong doanh nghiệp, trong đó tập trung vào các nội dung về lập và thẩm định một dự án đầu tư khả thi với các khía cạnh kinh tế và xã hội, cụ thể bao gồm phân tích thị trường của dự án, phân tích kỹ thuật và công nghệ của dự án, tổ chức nhân sự và tiền lương của dự án, phân tích tài chính, đánh giá tác động kinh tế - xã hội và thẩm định dự án.

#### **49.[1150087], [Quản trị sản xuất và tác nghiệp], [3]**

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức nền tảng của ngành quản trị kinh doanh. Học phần đề cập đến các nội dung về dự báo nhu cầu sản phẩm, quản trị công suất, định vị doanh nghiệp, bố trí mặt bằng sản xuất trong doanh nghiệp, hoạch định tổng hợp, điều độ sản xuất, quản trị hàng dự trữ,... nhằm trang bị cho người học những kiến thức căn bản nhất và kỹ năng quản trị tác nghiệp cần thiết để lựa chọn các phương án tối ưu nhằm đảm bảo hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị tài chính, quản trị marketing và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

#### **50.[1150064], [Quản trị chất lượng], [3]**

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức ngành Quản trị kinh doanh. Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản về chất lượng (chất lượng quản trị, chất lượng công việc, chất lượng sản phẩm); Những triết lý hiện nay về quản trị áp dụng trong nhiều doanh nghiệp, các nước kinh tế thị trường; Các biện pháp và các công cụ quan trọng nhằm nâng cao chất lượng quản trị, chất lượng công việc, chất lượng sản phẩm; Giới thiệu hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000 và một số hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn khác nhằm hướng tới áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng này vào các doanh nghiệp để từng bước hoà đồng vào hệ thống chất lượng thế giới. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị marketing, quản trị sản xuất và tác nghiệp và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

#### **51.[150365], [Entrepreneurship], [3]**

Entrepreneurship is one of the courses providing background knowledge of international trade. Students will be provided fundamental knowledge of entrepreneurship and case studies of

entrepreneurship and business start-ups. In this course, each current phase of a business start-up such as successful business start-ups, business management as well as business strategies, will be presented, discussed, and evaluated. In this course, the lecturer and students will give priorities on discussing case studies and successful models of business start-ups, and thus get a deeper understanding of entrepreneurship and successful business lessons, risks, and opportunities on starting a business. Through this course, students also develop their communication skills, written skills, and presentation skills. Thus, students will get better communication skills in the business environment. This course is built based on various perspectives so that this course is supportive and suitable for students from various majors. The course has complementary relationships with other courses such as management, business planning, strategic management, financial management, marketing management, production management, and training modules for supporting functions in the enterprise.

**52.[1150118], [Thị trường tài chính], [2]**

Đây là học phần tự chọn nhằm cung cấp kiến thức bổ trợ về tài chính giúp người học nắm những nội dung cơ bản về đặc điểm và cách thức hoạt động của thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng. Qua đó, người học có thể hiểu vai trò của thị trường tài chính trong nền kinh tế cũng như khái quát việc vận dụng các công cụ tài chính để phục vụ các kế hoạch của doanh nghiệp hoặc kế hoạch của nhà đầu tư. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho người học một số kiến thức nền tảng cho việc xác định giá của các tài sản tài chính; trên cơ sở đó, hiểu được bản chất của việc hình thành giá trị của các tài sản tài chính.

**53.[1150059], [Quản lý công nghệ], [2]**

Quản lý công nghệ là học phần thuộc khối kiến thức ngành, cung cấp các kiến thức cơ bản và hiện đại về công nghệ, quản trị công nghệ nhằm giúp người học tự xây dựng cho mình một công cụ dưới dạng phương pháp luận. Trên cơ sở đó, người học kết hợp với các kiến thức của các học phần như Quản trị học, Quản trị chiến lược, Quản trị tài chính... để đạt được hiệu quả cao khi tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cũng như các hoạt động khác trong thực tiễn.

Học phần còn trang bị cho người học các kiến thức trong quản lý công nghệ tại các cơ sở, doanh nghiệp như phân tích được các yếu tố tác động tới công nghệ và đánh giá, lựa chọn được công nghệ phù hợp trong quá trình chuyển giao công nghệ để sử dụng công nghệ hiệu quả.

**54.[1150249], [Lãnh đạo học], [2]**

Học phần Lãnh đạo học sẽ trang bị cho sinh viên chuyên ngành quản trị kinh doanh những nội dung cơ bản và có hệ thống về lãnh đạo học như bản chất lãnh đạo, quyền lực và sự ảnh hưởng, phẩm chất và kỹ năng lãnh đạo cũng như các phong cách lãnh đạo và thuật lãnh đạo trong thời đại mới.

**55.[1140167], [Kế toán quản trị], [3]**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, nội dung và các phương pháp của kế toán quản trị. Phân biệt giữa kế toán tài chính với kế toán quản trị, đặc điểm chi phí và các tiêu thức phân loại chi phí phục vụ cho nhà quản trị trong việc ra quyết định, phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận và cách thức lập các dự toán ngân sách trong doanh

ngiệp. Đồng thời, giới thiệu các phương pháp phân bổ chi phí phục vụ trong doanh nghiệp nhằm đánh giá thành quả hoạt động của các bộ phận, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp. Qua đó, sinh viên sẽ hiểu và vận dụng các nội dung này vào thực tế công tác quản trị tại các loại hình doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác nhau.

Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Quản trị kinh doanh. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.

### **56.[1150050], [Phân tích hoạt động kinh doanh], [3]**

Phân tích hoạt động kinh doanh là học phần nghiên cứu, phân tích, đánh giá tình hình kinh tế - tình hình tài chính và nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả của tình hình đó. Sau khi kết thúc môn học, người học có thể phân tích hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, kết quả phân tích là cơ sở để người học có thể thực hiện công tác dự báo, hoạch định chính sách và ra quyết định, tìm ra giải pháp hoàn thiện từng khâu, từng lĩnh vực hoạt động kinh doanh của tất cả các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế. Học phần Phân tích hoạt động kinh doanh có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị học, quản trị marketing, quản trị tài chính, quản trị dự án, quản trị chiến lược và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

### **57.[1150133], [Văn hoá kinh doanh], [3]**

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức nền tảng của ngành quản trị kinh doanh. Học phần trang bị những kiến thức tổng quan về văn hóa kinh doanh như triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp văn hóa giao tiếp ứng xử trong kinh doanh. Ngoài ra, học phần giúp người học tìm hiểu kinh nghiệm thực tế về phương pháp xây dựng và phát triển văn hoá doanh nghiệp và tạo lập bản sắc văn hoá (thương hiệu) cho một tổ chức hay doanh nghiệp. Bên cạnh đó, học phần còn trình bày một số vấn đề về văn hoá kinh doanh Việt Nam như: Khác biệt văn hóa trong công cuộc làm ăn kinh tế tại Việt Nam, văn hoá Việt Nam, văn hóa kinh doanh tại thị trường Nhật, Hoa Kỳ, Trung Quốc,... Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị học, lãnh đạo học, quản trị chiến lược và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

### **58.[1150367], [International marketing], [2]**

The course provides knowledge of planning, implementing and controlling corporation's marketing activities in international context. This course indicates importance of the international business environment of a entrepreneur. In addition, effects of the global environment on international marketing strategies, content of research and methods for entering the world market will be mentioned. Moreover, the content of marketing mix is adapted to suit the international business environment. The arrangement of international marketing activities and influencing factors will be presented to provide an overview for the management of marketing activities of a corporation in multinational environment.

The course belongs to specialized knowledge of marketing management. Along with knowledge from courses includes marketing management, brand management, marketing research,

integrated marketing communication management, digital marketing, customer behavior, service marketing, this courses will help students in Marketing management major develops comprehensive knowledge.

**59.[1150385], [Lập kế hoạch kinh doanh], [3]**

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu cho chuyên ngành quản trị doanh nghiệp. Học phần đề cập đến ý nghĩa, phương pháp, qui trình, nội dung, cấu trúc và các kỹ năng cần thiết để lập kế hoạch kinh doanh có tính khả thi nhằm đảm bảo hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần vận dụng kiến thức của các học phần khác như quản trị chiến lược, quản trị tài chính, quản trị sản xuất, quản trị marketing, quản trị nhân sự và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

**60.[1150262], [Quản trị bán hàng], [2]**

Quản trị bán hàng là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh, bao gồm các nội dung chủ yếu như: khái niệm và vai trò của quản trị bán hàng trong doanh nghiệp; xây dựng kế hoạch bán hàng của doanh nghiệp; tổ chức mạng lưới bán hàng của doanh nghiệp; tổ chức lực lượng bán hàng của doanh nghiệp; kiểm soát bán hàng của doanh nghiệp; các hoạt động hỗ trợ bán hàng của doanh nghiệp. Học phần quản trị bán hàng có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị tài chính, quản trị marketing, quản trị nhân lực và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

**61.[1150251], [Logistics], [2]**

Học phần Logistics thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về logistics nhằm giúp người học nắm rõ bản chất, vai trò, nội dung của hệ thống logistics và quá trình quản trị logistics tại doanh nghiệp. Cụ thể, học phần nghiên cứu sự vận động của hàng hóa, nguyên liệu, bán thành phẩm trong quá trình mua sắm, sản xuất, lưu thông, phân phối nhằm đạt hiệu quả cao nhất, đồng thời tập trung khai thác việc tổ chức chuyên chở hàng hóa bằng các phương thức vận tải khác nhau như đường biển, đường sắt, đường hàng không, container, vận tải đa phương thức...

Trong sản xuất kinh doanh, Logistics đề cập đến việc tối thiểu hóa chi phí, từ việc mua sắm nguyên vật liệu cho tới việc lập, thực hiện kế hoạch sản xuất, giao hàng, bố trí kho bãi và dự trữ. Học phần có quan hệ với các học phần như: Vận tải bảo hiểm ngoại thương, Quản trị xuất nhập khẩu.

**62.[1150399], [Quản trị xuất nhập khẩu], [3]**

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành của ngành quản trị kinh doanh quốc tế. Học phần đề cập đến các nội dung về khái niệm và các phương thức giao dịch trong kinh doanh xuất nhập khẩu, incoterms, kỹ thuật đàm phán trong kinh doanh xuất nhập khẩu, hợp đồng xuất nhập khẩu, xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các thương vụ xuất nhập khẩu. Trên nền tảng kiến thức ngành của quản trị kinh doanh, học phần quản trị xuất nhập khẩu nghiên cứu sâu hơn về công tác quản trị ở một lĩnh vực trong kinh doanh đó là quản trị kinh doanh xuất nhập khẩu.

**63.[1150370], [Trade negotiations], [2]**

Trade Negotiations is one of the courses providing professional knowledge for Business Administration students. This course aims to improve participants' understanding and as well as lectures and exercises of business negotiation skills of enterprise and firms. For theoretical

lectures, the course is designed to provide students with fundamental principles, key factors affecting business negotiation, the methods and models of business negotiation. Then students are trained by in-class exercise consisting of various contents such as the business negotiation process, techniques in business negotiation stages and closing the deal techniques in negotiation; and the impact of culture on negotiations. In additions, this course supports to recapitulate general knowledge and gives specific case study to help students develop skills of business transaction and negotiation techniques.

**64.[1150371], [Transportation and insurance in international trade], [3]**

This is one of the courses providing professional knowledge for Business Administration major learners. The course equips learners with broad understanding principles of transportation and insurance in international trade. It consists of two main contents:

– International transportation and forwarding: General knowledge of transpiration and international transportation, transportation of international trade cargo by sea modal, air modal and other models; import and export freight forwarding.

Insurance in international transportation: General knowledge of insurance; Insurance in international transportation and insurance clauses in international transportation...

**65.[1150127], [Thương mại điện tử], [2]**

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành Thương mại quốc tế. Học phần đề cập đến các nội dung về lý luận và thực tiễn về các hoạt động thương mại điện tử trong điều kiện nền kinh tế thị trường. Mục đích cụ thể đối với người học gồm trang bị những kiến thức cơ bản, tổng quan về thương mại điện tử cả về lý thuyết lẫn thực hành, sử dụng được các công cụ điện tử để tiến hành hoạt động kinh doanh; Hiểu được vai trò, tầm quan trọng và triển vọng của thương mại đối với nền kinh tế quốc dân; Đánh giá được các cơ may, cũng như hiểm họa của thương mại điện tử; Nghiên cứu, xây dựng và ứng dụng các mô hình thích hợp về thương mại điện tử cho các doanh nghiệp. Học phần có quan hệ bổ trợ với các học phần khác như quản trị bán hàng và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

**66.[1150258], [Nhượng quyền kinh doanh], [2]**

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức nền tảng của chuyên ngành quản trị kinh doanh quốc tế. Học phần cung cấp những lý thuyết cơ bản về bản chất, các loại hình nhượng quyền kinh doanh thương mại; phân biệt nhượng quyền kinh doanh và các hoạt động thương mại khác; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong hoạt động nhượng quyền kinh doanh; hình thức, nội dung, phương pháp soạn thảo hợp đồng nhượng quyền; quy trình và quy định trong hoạt động nhượng quyền kinh doanh. Học phần có mối quan hệ bổ trợ với các học phần khác như: quản trị kinh doanh quốc tế; phân tích hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu.

**67.[1150372], [Event holding], [2]**

Event holding is an important subject belonging to the specialised knowledge of Business and Administration Major. The content of Event holding subject focuses primarily on: Fundamental knowledge of event and event management; Event trends and Current trends in Event holding; Event planning; Legal issues for Event planning; Marketing for an event; How to organise and hold an event;

Event evaluation; as well as Fundamental knowledge regarding how to organise and hold some common types of events. The key purposes of the subject are to support fundamental knowledge about event holding as well as practical applications of common commercial events. The subject is built up partly based on knowledge and application of other subjects such as production management, hotel and restaurant management, promotion and marketing.

**68.[1150265], [Quản trị chuỗi cung ứng], [2]**

Học phần Quản trị chuỗi cung ứng là học phần thuộc khối chuyên ngành của chuyên ngành Quản trị kinh doanh Thương mại quốc tế; học phần là sự kế thừa các học phần cơ sở ngành cũng như hỗ trợ thêm cho các học phần chuyên ngành. Quản trị chuỗi cung ứng là môn học nghiên cứu các hoạt động tổ chức, xây dựng, và quản lý hoạt động cung ứng vật tư, hàng hoá trong doanh nghiệp. Điểm trọng yếu ở đây là giúp sinh viên có cái nhìn mới, hiểu quản lý chuỗi cung ứng như một nghề chuyên môn và có vai trò rất quan trọng để nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay. Môn học giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. Cụ thể về nội dung học phần Giới thiệu khái niệm, ý nghĩa, bản chất của quản trị chuỗi cung ứng và những thay đổi trong môi trường kinh doanh hiện tại và tác động của nó đến tiến trình quản trị chuỗi cung ứng. Giới thiệu các mô hình quản trị chuỗi cung ứng, các nội dung về xây dựng chiến lược hậu cần, cách thức xây dựng kế hoạch cung ứng. Cung cấp các kiến thức về việc tổ chức quy trình sản xuất trong quản lý chuỗi cung ứng, các kỹ thuật tối ưu hoá mạng lưới cung ứng, các hệ thống cung ứng, và các chiến lược phân phối. Giới thiệu các kỹ năng quản lý hàng tồn kho, kiến thức về các mô hình quản lý hàng tồn kho, và các kỹ thuật phân tán rủi ro. Cung cấp các kiến thức hiện đại về quản trị chuỗi cung ứng tích hợp, tích hợp chuỗi cung ứng bên trong tổ chức. Giới thiệu các mô hình và các công cụ đo lường hiệu quả hoạt động của chuỗi cung ứng.

**69.[1150267], [Quản trị kênh phân phối], [2]**

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh thương mại quốc tế. Học phần đề cập đến các nội dung về việc lựa chọn và đưa ra các quyết định phân phối sản phẩm dịch vụ đến với khách hàng, tổ chức thực hiện những quyết định đó nhằm đạt được mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp. Quản trị phân phối giải quyết các vấn đề liên quan đến thiết kế kênh phân phối, bên cạnh kênh truyền thống, còn có kênh phân phối hiện đại với sự hỗ trợ của thiết bị kỹ thuật. Bên cạnh thiết kế kênh nhà quản trị kênh phải tổ chức, xây dựng các chính sách để hỗ trợ và duy trì các thành viên trong kênh, hạn chế tối đa những xung đột có thể xảy ra giữa các thành viên trong kênh. Học phần có quan hệ bổ trợ với các học phần khác như quản trị marketing, quản trị chuỗi cung ứng và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

**70.[1150248], [Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch], [2]**

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức bổ trợ nhằm rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên. Học phần trang bị kiến thức giúp sinh viên làm quen với những vấn đề liên quan đến tư duy và thực hành rèn luyện kỹ năng tư duy. Học phần còn trang bị kiến thức liên quan đến việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch để đạt được mục tiêu, thực hành rèn luyện kỹ năng về xác định mục

tiêu và lập kế hoạch để đạt được mục tiêu. Học phần có mối quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như kỹ năng giao tiếp thuyết trình thuyết phục trong kinh doanh, quản trị học, khởi sự kinh doanh.

**71.[1150055], [Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh], [2]**

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức ngành của quản trị kinh doanh. Môn học cung cấp cho sinh viên một số khái niệm cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học; ý nghĩa, vai trò và quy trình tiến hành công tác nghiên cứu khoa học; xác định vấn đề nghiên cứu; xây dựng các giả thuyết; xác định phương pháp nghiên cứu; cách thức thu thập dữ liệu và xử lý dữ liệu; ước lượng và kiểm định các giả thuyết đưa ra.. để sinh viên có thể vận dụng trong các hoạt động nghiên cứu và viết luận văn tốt nghiệp đại học. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về: lý do làm nghiên cứu kinh doanh; Các bước thực hiện nghiên cứu gồm khởi đầu qui trình nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, thu thập dữ liệu nghiên cứu, phân tích số liệu và trình bày kết quả nghiên cứu; kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu cũng như những giả pháp đề xuất.

**72.[1140033], [Kinh tế lượng], [3]**

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy – một công cụ hữu hiệu trong phân tích và dự báo kinh tế - xã hội. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên xây dựng được mô hình; phân tích hồi quy và kiểm định các khuyết tật của mô hình. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên thực hành xử lý số liệu trên phần mềm Eviews.

Học phần thuộc Kiến thức hỗ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Quản trị kinh doanh. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về thống kê, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về thiết lập mô hình, phân tích hồi quy là nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị, kinh doanh và logistics.

**73.[1140015], [Kế toán doanh nghiệp], [3]**

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến kế toán tiền, tài sản cố định, tiền lương và các khoản trích theo lương, giá thành sản phẩm và tiêu thụ, xác định kết quả kinh doanh, lập Báo cáo tài chính theo qui định.

Học phần thuộc kiến thức hỗ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Quản trị kinh doanh. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về kế toán doanh nghiệp của sinh viên ngành quản trị kinh doanh và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.

**74.[1150098], [Tài chính - Tiền tệ], [3]**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về tài chính và tiền tệ. Nội dung kiến thức tài chính cụ thể như tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính, ngân sách nhà nước và tài chính quốc tế. Về tiền tệ, học phần sẽ cung cấp kiến thức về bản chất của tiền tệ, cung cầu tiền tệ, lạm phát tiền tệ, lãi suất, hoạt động của hệ thống trung gian tài chính, ngân hàng trung ương và việc sử dụng công cụ chính sách tiền tệ trong các điều kiện của nền kinh tế. Kiến thức học phần này là nền tảng giúp cho sinh viên học tốt các môn học trong chuyên ngành kinh tế, kế toán, quản trị kinh doanh và quản trị kinh doanh thương mại quốc tế.

**75.[1090268], [Tiếng Anh tăng cường 1], [3]**



Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học trong học phần Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2, *Tiếng Anh tăng cường 1* bổ sung các cấu trúc ngữ pháp đã học, mở rộng và so sánh các cấu trúc này với nhau, đồng thời trình bày rõ các điểm ngữ pháp quan trọng như *phrasal verbs, collocations, second conditional, wish*, v.v., đồng thời tiếp tục cung cấp thêm một số cấu trúc ngữ pháp mới với mục đích giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh chính xác, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp ở cấp độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

**76.[1090269], [Tiếng Anh tăng cường 2], [3]**

Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức ngôn ngữ và văn hóa Anh sinh viên đã học trong học phần *Tiếng Anh tăng cường 1, Tiếng Anh tăng cường 2* bổ sung các cấu trúc câu và các điểm ngữ pháp quan trọng như *present perfect continuous, conditionals* và *passives, relative clauses*, v.v. với mục đích giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp ở trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

**77.[1150214], [Tiếng Anh chuyên ngành], [3]**

Học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ của ngành Quản trị kinh doanh, có sự kết hợp giữa kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh và tiếng Anh. Đây là học phần có quan hệ với học phần Tiếng Anh 1, 2. Qua đó, học phần giúp người học trau dồi kiến thức về tiếng Anh trong kinh doanh thông qua việc cung cấp những thuật ngữ, từ vựng có liên quan đến các chủ đề về kinh tế và quản trị kinh doanh.

Ngoài ra, học phần còn trang bị kiến thức và kỹ năng viết các văn bản thương mại phổ biến. Từ đó, người học có cơ hội vận dụng thuật ngữ tiếng Anh và kết hợp những chủ điểm ngữ pháp trọng tâm của tiếng Anh vào các tình huống thực tế trong kinh doanh. Trong quá trình học, người học cũng sẽ tham gia thảo luận các chủ đề của bài đọc từ đó có thể phát triển các kỹ năng ngôn ngữ khác cũng như nâng cao vốn từ vựng của bản thân.

**78.[1130036], [Luật kinh tế], [2]**

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về ngành Luật Kinh tế và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về kinh doanh, thương mại, cụ thể gồm các chế định pháp luật như: pháp luật về chủ thể kinh doanh, hợp đồng trong hoạt động kinh doanh và giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh. Học phần Luật Kinh tế cũng giúp sinh viên hiểu rõ về pháp luật phá sản trong các doanh nghiệp và hợp tác xã. Thông qua kỹ năng làm việc nhóm, sinh viên có thể giải quyết các vấn đề thực tiễn pháp lý liên quan đến Luật kinh tế.

**79.[1150364], [International payment], [2]**

International payment is the last stage and also one of the important stages of economic and trade transactions between the subjects of countries around the world. This module will introduce and provide learners with an overview of international payment activities in the current trend of international economic integration. The course equips students with basic knowledge about conditions in international trade, exchange rates, how to calculate foreign exchange rates, foreign exchange markets, international payment instruments (bill of exchange, promissory note, cheque, payment card), international payment methods (remittance, collection of payment, documentary

credit, international factoring). This course provides some general knowledge on international payment for business administration.

**80.[1150144], [Thuế], [2]**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về Thuế, hệ thống các luật thuế tại Việt Nam; Thuế Xuất khẩu - Nhập khẩu; Thuế Tiêu thụ đặc biệt; Thuế Giá trị gia tăng; Thuế Thu nhập doanh nghiệp; Thuế thu nhập cá nhân; Thuế bảo vệ môi trường; Thuế tài nguyên. Học phần có mối liên hệ với các học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, Quản trị tài chính...

**81.[1150120], [Thực tập tổng hợp], [2]**

Học phần Thực tập tổng hợp chuyên ngành QTKD Thương mại quốc tế (CLC) sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế về những khía cạnh khác nhau của thương mại quốc tế tại một doanh nghiệp. Sinh viên sẽ phải ứng tuyển/tìm kiếm một doanh nghiệp/tổ chức có hoạt động kinh doanh quốc tế và dưới sự hướng dẫn của giảng viên theo phân công tìm hiểu về hoạt động xuất, nhập khẩu của doanh nghiệp (hợp đồng, hóa đơn, chứng nhận xuất xứ, giấy phép, thuế xuất nhập khẩu, khai báo hải quan...), nghiên cứu thị trường toàn cầu, xây dựng kế hoạch logistic toàn cầu, tìm hiểu luật thương mại quốc tế, xây dựng kế hoạch marketing và kinh doanh trong bối cảnh toàn cầu. Bên cạnh đó, sinh viên cũng sẽ phải nắm bắt thông tin chung về quá trình hoạt động, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Trong quá trình thực tập tại đơn vị sinh viên dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên hoàn thành báo cáo thực tập theo những quy định về chất lượng nội dung và hình thức của Khoa. Báo cáo thực tập trình bày những hiểu biết của sinh viên về thông tin tổng quan về cơ sở thực tập như quá trình thành lập, phát triển, cơ cấu tổ chức, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (nếu có),... và phân tích các nghiệp vụ cơ bản về hoạt động kinh doanh như marketing và tiêu thụ sản phẩm, quản trị nhân lực, và hoạt động kinh doanh quốc tế của đơn vị thực tập do sinh viên chủ động lựa chọn. Các loại hình đơn vị thực tập đa dạng, bao gồm: công ty có hoạt động xuất nhập khẩu, logistics, công ty dịch vụ xuất nhập khẩu, cảng, ngân hàng, cơ quan Hải quan,...

**82.[1150122], [Thực tập tốt nghiệp], [3]**

Học phần Thực tập tốt nghiệp chuyên ngành QTKD thương mại quốc tế là học phần được đào tạo chủ yếu tại cơ sở thực tế. Sinh viên làm việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên theo phân công, thông qua một quá trình tiếp cận trực tiếp với các cơ sở thực tập nhằm tìm hiểu, nghiên cứu thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện nền kinh tế thị trường ở các đơn vị. Đây là học phần cần thiết để sinh viên làm quen với thực tế và vận dụng các kiến thức lý thuyết vào thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên rèn luyện phương pháp nghiên cứu khoa học, khả năng khảo sát nắm bắt và phân tích, tìm biện pháp giải quyết những vấn đề thuộc quá trình trong kinh doanh thương mại quốc tế. Những vấn đề nghiên cứu cơ bản: hoạch định và quản trị chiến lược kinh doanh; tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp; hoạt động xuất nhập khẩu; marketing hàng hóa và dịch vụ; đàm phán trong kinh doanh quốc tế; nghiệp vụ vận tải và giao nhận quốc tế; logistics và quản lý chuỗi cung ứng; hệ thống thông tin thương mại quốc tế và logistics tại tổ chức, doanh nghiệp; bán hàng và quản trị bán hàng của tổ chức, doanh nghiệp; các chính sách hỗ trợ kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp...

**83.[1150447], [Khóa luận tốt nghiệp], [6]**

Học phần Khóa luận tốt nghiệp Quản kinh doanh Thương mại quốc tế giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức của các môn học đã được trang bị để nghiên cứu hoặc ứng dụng vào tình huống cụ thể trong hoạt động kinh doanh và quản trị ở các tổ chức, doanh nghiệp. Sinh viên có thể chọn một trong nhiều vấn đề thuộc quản trị kinh doanh, trong đó chú trọng vào các hoạt động thương mại quốc tế để nghiên cứu và viết khóa luận tốt nghiệp. Khi thực hiện khóa luận tốt nghiệp Quản kinh doanh Thương mại quốc tế, sinh viên sẽ vận dụng tổng hợp kiến thức các môn học đã được Nhà trường trang bị để nghiên cứu hoạt động kinh doanh và quản trị ở tổ chức, doanh nghiệp cụ thể; rèn luyện năng lực thực hành, vận dụng lý luận vào giải quyết các tình huống cụ thể trong thực tiễn công tác của một người cán bộ quản trị; rèn luyện phương pháp nghiên cứu khoa học, khả năng khảo sát nắm bắt và phân tích, tìm biện pháp giải quyết những vấn đề về quản trị tổ chức, doanh nghiệp; tham gia giải quyết những công việc cụ thể do đơn vị cơ sở, ngành yêu cầu và có thể đề xuất những kiến nghị nhằm giúp cơ sở thực tế cải tiến các mặt công tác.

#### **84. [1150375], [Chuyên đề Quản trị kinh doanh quốc tế], [3]**

Đây là một trong các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp cho chuyên ngành Quản trị kinh doanh thương mại quốc tế. Học phần hệ thống lại những kiến thức về toàn cầu hóa và sự tác động của nó đến hoạt động kinh doanh quốc tế; các chính sách ngoại thương; môi trường kinh doanh quốc tế; chiến lược kinh doanh quốc tế; Nhận thức và sử dụng các lý thuyết về thương mại quốc tế để giải thích về các hiện tượng thương mại và sự tác động của nó đến từng ngành, lĩnh vực; Sự can thiệp của nhà nước thông qua các chính sách ngoại thương, các quan hệ mậu dịch quốc tế; sự tác động và những kết quả do chúng mang lại cho các doanh nghiệp. Học phần có quan hệ bổ trợ với các học phần khác như Thực tập tốt nghiệp QTKD Thương mại quốc tế, Thực tập tổng hợp QTKD Thương mại quốc tế.

#### **85.[1150432], [Chuyên đề Logistics và SCM], [3]**

Học phần Chuyên đề Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng là học phần thuộc khối chuyên ngành và là học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp của chuyên ngành Quản trị kinh doanh Thương mại quốc tế, học phần này là sự tổng hợp của các học phần chuyên ngành đã học trước như chuỗi cung ứng, logistics,... Môn học nghiên cứu các hoạt động tổ chức, xây dựng, quản lý hoạt động cung ứng vật tư, hàng hoá trong doanh nghiệp, môn học hệ thống lại các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng và logistics để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. Cụ thể về nội dung học phần giới thiệu khái niệm, ý nghĩa, bản chất của logistics và quản trị chuỗi cung ứng và những thay đổi trong môi trường kinh doanh hiện tại và tác động của nó.

Bình Định, ngày 21 tháng 08 năm 2020

KT.TRƯỞNG KHOA  
PHÓ TRƯỞNG KHOA



TS. Đặng Thị Thanh Loan

TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC



TS. Lê Xuân Vinh



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ